

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001:2008

ĐỀ TÀI

NGHIÊN CỨU KHOA HỌC

**TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ BÁN HÀNG NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH
XÁC KẾT QUẢ CHO TỪNG MẶT HÀNG TẠI
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN**

Chủ nhiệm đề tài: Ngô Mai Anh – Lớp QT1406K

HẢI PHÒNG - 2014

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG



ISO 9001 : 2008

TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH
KẾT QUẢ BÁN HÀNG NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH
XÁC KẾT QUẢ CHO TỪNG MẶT HÀNG TẠI CÔNG
TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

CHUYÊN NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Chủ nhiệm đề tài : Ngô Mai Anh

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng

HẢI PHÒNG - 2014

LỜI CAM ĐOAN

Tên em là: Ngô Mai Anh

Sinh viên lớp: QT1406K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán.

Khoa: Quản trị kinh doanh

Trường : Đại học Dân lập Hải Phòng.

Em xin cam đoan như sau :

1. Những số liệu, tài liệu trong báo cáo được thu thập một cách trung thực
2. Các kết quả của báo cáo chưa có ai nghiên cứu, công bố và chưa từng được áp dụng vào thực tế.

Vậy em xin cam đoan những nội dung trình bày trên chính xác và trung thực. Nếu có sai sót em xin chịu trách nhiệm trước Khoa quản trị kinh doanh và trường Đại học Dân lập Hải Phòng.

Hải Phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Người cam đoan

Ngô Mai Anh

LỜI CẢM ƠN

Để hoàn thành đề tài nghiên cứu này, em xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất đến:

Các thầy giáo, cô giáo trong khoa Quản trị kinh doanh trường Đại học Dân lập Hải Phòng đã tận tình truyền đạt những kiến thức nền tảng cơ sở, kiến thức chuyên sâu về Kế toán - Kiểm toán và cả những kinh nghiệm thực tiễn quý báu thực sự hữu ích cho em trong quá trình thực tập và sau này.

Cô giáo, Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng đã hết lòng hỗ trợ em từ khâu chọn đề tài, cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị cho đến khi hoàn thành đề tài.

Các cô, chú, anh, chị cán bộ làm việc tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn đã tạo điều kiện cho em được thực tập tại Phòng Kế toán Công ty.

Mặc dù đã cố gắng nghiên cứu lý luận, tìm hiểu thực trạng kế toán bán hàng và xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng nhằm đưa ra biện pháp hữu ích, có khả năng áp dụng với điều kiện hoạt động của Công ty, nhưng do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thành đề tài không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu và chỉ bảo của thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa, em xin chân thành cảm ơn cô giáo giáo, Th.s Nguyễn Thị Thúy Hồng và các cô, chú, anh, chị cán bộ Phòng Kế toán Công ty Cổ phần may Trường Sơn đã nhiệt tình hướng dẫn, các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện giúp em hoàn thành đề tài nghiên cứu này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải phòng, ngày 25 tháng 07 năm 2014

Sinh viên

Ngô Mai Anh

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

Chữ viết tắt	Ý nghĩa
CP	Chi phí
CPBH	Chi phí bán hàng
CPQL	Chi phí quản lý
GTGT	Giá trị gia tăng
TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
K/C	Kết chuyển
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
SP, HH	Sản phẩm, hàng hóa.
TSCĐ	Tài sản cố định
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
HD SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
CKTM	Chiết khấu thương mại
NSNN	Ngân sách nhà nước

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, bán hàng là một khâu giữ vai trò quan trọng, là cầu nối giữa người sản xuất và người tiêu dùng, phản ánh sự gặp nhau giữa cung và cầu về hàng hóa, qua đó giúp định hướng cho sản xuất tiêu dùng. Với một doanh nghiệp, việc tăng nhanh quá trình bán hàng tức là làm tăng vòng quay của vốn, tiết kiệm vốn và trực tiếp làm tăng lợi nhuận của doanh nghiệp. Từ đó sẽ nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp.

Thời đại toàn cầu hóa về kinh tế đòi hỏi hạch toán kế toán trở thành một công cụ đắc lực không thể thiếu giúp doanh nghiệp có cái nhìn tổng thể về tình hình kinh doanh và tình hình tài chính tại đơn vị. Chính vì vậy, kế toán nói chung và kế toán bán hàng nói riêng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết.

Tuy nhiên, trong nhiều doanh nghiệp, công tác kế toán bán hàng chưa tiến hành xác định kết quả chính xác cho từng mặt hàng, vì vậy việc sử dụng các số liệu về kế toán bán hàng vẫn chưa thật sự hiệu quả. Việc kết hợp xác định chính xác kết quả cho từng mặt hàng có thể giúp cho doanh nghiệp nắm được thực trạng của hoạt động bán hàng và cung cấp các thông tin cần thiết để cho chủ doanh nghiệp đánh giá được những ưu điểm và hạn chế còn tồn tại trong hoạt động bán hàng. Từ đó có thể hoạch định các kế hoạch và giải pháp phù hợp để ổn định và tăng cường hoạt động bán hàng góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề đó, cùng với những kiến thức đã học ở trường, qua thời gian tìm hiểu thực tế tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn, với sự hướng dẫn của cô giáo – Th.S Nguyễn Thị Thúy Hồng em đã đi sâu lựa chọn đề tài: ***Tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả cho từng mặt hàng tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn*** làm đề tài nghiên cứu khoa học.

2.Mục đích và ý nghĩa của việc nghiên cứu đề tài.

- Nghiên cứu khảo sát thực trạng công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng ở doanh nghiệp.

- Vận dụng lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng vào nghiên cứu thực tiễn ở Công ty cổ phần may Trường Sơn.

- Từ đó đề xuất các ý kiến nhằm xác định chính xác kết quả của từng mặt hàng trong doanh nghiệp.

3.Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

-Đối tượng nghiên cứu:Đối tượng nghiên cứu là việc tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn.

-Phạm vi nghiên cứu:Phạm vi của bài khóa luận là những kiến thức về lý luận về kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng. Từ đó, em nghiên cứu việc tổ chức hạch toán kế toán tại Công ty cổ phần may Trường Sơn, số liệu minh họa được lấy ở tháng 6 năm 2013.

4.Phương pháp nghiên cứu.

- Phương pháp hạch toán kế toán:phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối.

-Phương pháp phân tích so sánh...

- Phương pháp lấy ý kiến chuyên gia

5.Kết cấu của khóa luận

Bài NCKH ngoài phần mở đầu và kết luận gồm 3 phần:

Phần 1: Lý luận chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp

Phần 2: Thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần may Trường Sơn.

Phần 3: Một số biện pháp nhằm xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn

PHẦN 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. Một số vấn đề chung về tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.1. Một số khái niệm cơ bản về bán hàng và xác định kết quả bán hàng.

1.1.1.1. Khái niệm về bán hàng và xác định kết quả bán hàng

a. Khái niệm bán hàng

Bán hàng là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hoá. Nói khác đi, bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hoá của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp. (*Nguyễn Phú Giang, 2010*) [4]

Trong quá trình kinh doanh, quá trình bán hàng là yếu tố quan trọng cho sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Hàng hoá đạt tiêu chuẩn chất lượng cao, giá thành hạ thì hàng hoá của doanh nghiệp tiêu thụ nhanh mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, đảm bảo cho doanh nghiệp một vị trí vững chắc trên thị trường.

b. Kết quả bán hàng

Kết quả bán hàng là bộ phận quan trọng nhất trong kết quả kinh doanh của doanh nghiệp. Hàng hoá được bán nhanh chóng sẽ làm tăng vòng quay của vốn, đảm bảo thu hồi vốn nhanh, trang trải được chi phí, đảm bảo được lợi nhuận. Kết quả bán hàng và quá trình bán hàng có mối quan hệ nhân quả với nhau. Vì vậy tổ chức quá trình bán hàng tốt là cơ sở để có kết quả bán hàng cao, giúp doanh nghiệp tăng vòng quay vốn lưu động, tăng luân chuyển hàng hoá trong kỳ, đem lại kết quả cao trong kinh doanh. (*Nguyễn Phú Giang, 2010*) [4]

Kết quả bán hàng: là kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ.

***Công thức xác định kết quả bán hàng:.* (Võ Văn Nhị, 2010) [3]**

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	=	Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Các khoản giảm trừ doanh thu	
Lợi nhuận hoạt động bán hàng	=	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	Giá vốn hàng bán	- Chi phí bán hàng
					- Chi phí quản lý DN

Hơn nữa, thông qua quá trình bán hàng đảm bảo cho các đơn vị khác có mối quan hệ mua bán với doanh nghiệp, thực hiện kế hoạch sản xuất và mở rộng sản xuất kinh doanh góp phần đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của xã hội, giữ vững quan hệ cân đối tiền hàng, làm cho nền kinh tế ổn định và phát triển.

1.1.1.2. Khái niệm về giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí QLDN

➤ Giá vốn hàng bán: là giá trị vốn của hàng hóa, vật tư, hàng hóa lao vụ, dịch vụ tiêu thụ là giá thành sản xuất hay chi phí sản xuất. Với vật tư tiêu thụ, giá vốn là giá trị ghi sổ, còn với hàng hóa tiêu thụ, giá vốn bao gồm trị giá mua của hàng hóa tiêu thụ cộng với chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ.

➤ Chi phí bán hàng: là chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ. Chi phí bán hàng bao gồm: chi phí nhân viên bán hàng; chi phí vật liệu bao bì; chi phí dụng cụ, đồ dùng phục vụ bộ phận bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng ở khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ như nhà kho, cửa hàng, phương tiện vận chuyển, bốc dỡ...; chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa; chi phí mua ngoài phục vụ cho khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và dịch vụ như: chi phí thuê tài sản, thuê kho, thuê bến bãi, thuê bốc vác vận chuyển, tiền hoa hồng, đại lý và các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu tiêu thụ sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ nằm ngoài các khoản kể trên như: chi phí tiếp khách, hội nghị khách hàng, chi phí quảng cáo, giới thiệu sản phẩm, hàng hoá...

➤ Chi phí quản lý doanh nghiệp: là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp. Chi phí quản lý doanh nghiệp bao gồm: chi phí nhân viên quản lý gồm tiền lương, phụ cấp phải trả cho ban giám đốc, nhân viên các phòng ban của doanh nghiệp và khoản trích BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ trên tiền lương nhân viên quản lý theo tỷ lệ quy định; chi phí về vật liệu, nhiên liệu xuất dùng, chi phí cho việc sửa chữa TSCĐ công cụ dùng chung của doanh nghiệp; chi phí đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý chung; chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp, thuế, phí, lệ phí: thuế nhà đất, thuế môn bài...(Ngô Thế Chi, 2010)[5]

1.1.2. Các phương thức bán hàng và các phương thức thanh toán

1.1.2.1. Các phương thức bán hàng

❖ Phương thức bán hàng trực tiếp: là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này.

+ Bán buôn: là phương thức bán hàng theo lô hoặc bán với số lượng lớn. Giá bán biến động tùy thuộc vào khối lượng hàng bán và phương thức thanh toán. Bán buôn gồm 2 phương thức: bán buôn qua kho và bán buôn vận chuyển thẳng.

- Phương thức bán buôn hàng hóa qua kho: là phương thức mà trong đó hàng bán được xuất ra từ kho của doanh nghiệp.

- Phương thức bán buôn hàng hóa vận chuyển thẳng: là phương thức bán buôn mà sau khi mua hàng, doanh nghiệp không nhập kho mà chuyển thẳng cho bên mua.

+ Bán lẻ: là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc tổ chức kinh tế mang tính tiêu dùng. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ.

❖ Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng: theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận, đó mới được coi là tiêu thụ.

❖ Phương thức bán hàng qua đại lý: là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

❖ Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi xuất nhất định.

❖ Phương thức trao đổi hàng: là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

1.1.2.2. Các phương thức thanh toán

Việc tiêu thụ hàng hóa nhất thiết được thanh toán với người mua, bởi vì chỉ khi nào doanh nghiệp thu nhận được đầy đủ tiền bán hàng hoặc sự chấp nhận trả tiền của khách hàng thì việc tiêu thụ mới được phép ghi nhận trên sổ sách kế toán. Việc thanh toán với người mua về hàng hóa bán ra được thực hiện bằng:

- Phương thức trả ngay bằng tiền mặt
- Phương thức thanh toán chuyển khoản
- Phương thức thanh toán trả chậm, trả góp.

1.2. Tổ chức kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng trong DN

1.2.1. Chứng từ sử dụng

- ❖ *Chứng từ chủ yếu sử dụng trong kế toán bán hàng:*

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ) (Mẫu số 01/GTKT - 3LL)

- Hóa đơn thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp) (Mẫu số 02/GTKT - 3LL)

- Hợp đồng kinh tế

- Bảng thanh toán hàng đại lý kí gửi (Mẫu số 01 - BH)

...

(Bộ tài chính, 2011)[1]

❖ *Chứng từ chủ yếu sử dụng trong kế toán giá vốn hàng bán:*

- Phiếu nhập kho (Mẫu số 01 - VT)

- Phiếu xuất kho (Mẫu số 02 - VT)

❖ *Chứng từ sử dụng trong kế toán CPBH, CPQLDN*

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01/GTKT - 3TT)

- Phiếu chi (Mẫu số 02 - TT)

- Giấy báo nợ, giấy đề nghị thanh toán.

- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội (Mẫu số 11 - LĐTL)

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định (Mẫu số 06 - TSCĐ)

- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ (Mẫu số 07 - VT)...

❖ *Chứng từ sử dụng trong kế toán xác định kết quả bán hàng:*

- Phiếu kế toán

(Bộ tài chính, 2011)[1]

1.2.2. Tài khoản sử dụng

❖ Các tài khoản kế toán liên quan:

- TK 511, 512: Doanh thu bán hàng, Doanh thu nội bộ

Tài khoản 511, 512

<p>- Số giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại và doanh thu hàng bán bị trả lại được kết chuyển giảm trừ vào doanh thu.</p> <p>- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.</p>	<p>- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và doanh thu nội bộ của doanh nghiệp đã thực hiện trong kỳ kế toán.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>

Tài khoản 511, 512 không có số dư cuối kỳ.

- TK 521, TK 530, 532: Chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại, giảm giá hàng bán

Tài khoản 521, 531, 532

<p>- Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ</p>	<p>- Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu sang TK511 để xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.</p>
<p>Tổng phát sinh Nợ</p>	<p>Tổng phát sinh Có</p>

Tài khoản 521, 531, 532 không có số dư cuối kỳ.

➤ TK 632: Giá vốn hàng bán

Tài khoản 632 “Giá vốn hàng bán”

<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ. - Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí sản xuất chung, chi phí nhân công không phân bổ, không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán. - Phản ánh khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ đi phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. - Phản ánh chi phí tự xây dựng, tự chế, tài sản cố định vượt mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản đã lập dự phòng năm trước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Phản ánh khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (31/12) (chênh lệch giữa số phải trích số lập dự phòng năm nay nhỏ hơn khoản đã lập dự phòng năm trước). - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ để xác định kết quả kinh doanh.
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

- TK 641, 642: Chi phí bán hàng, chi phí QLDN

Tài khoản 641, 642

- Chi phí bán hàng, QLDN thực tế phát sinh trong kỳ	- Các khoản ghi giảm chi phí bán hàng, chi phí QLDN - Kết chuyển chi phí bán hàng , chi phí QLDN trong kỳ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 641, 642 không có số dư cuối kỳ

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

Tài khoản 911 “ Xác định kết quả kinh doanh”

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ đã tiêu thụ - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lãi	- Doanh thu thuần về số sản phẩm hàng hoá, bất động sản đầu tư doanh thu nội bộ trong kỳ - Kết chuyển lỗ
Tổng phát sinh Nợ	Tổng phát sinh Có

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

(Nguyễn Phú Giang,2010)[4]

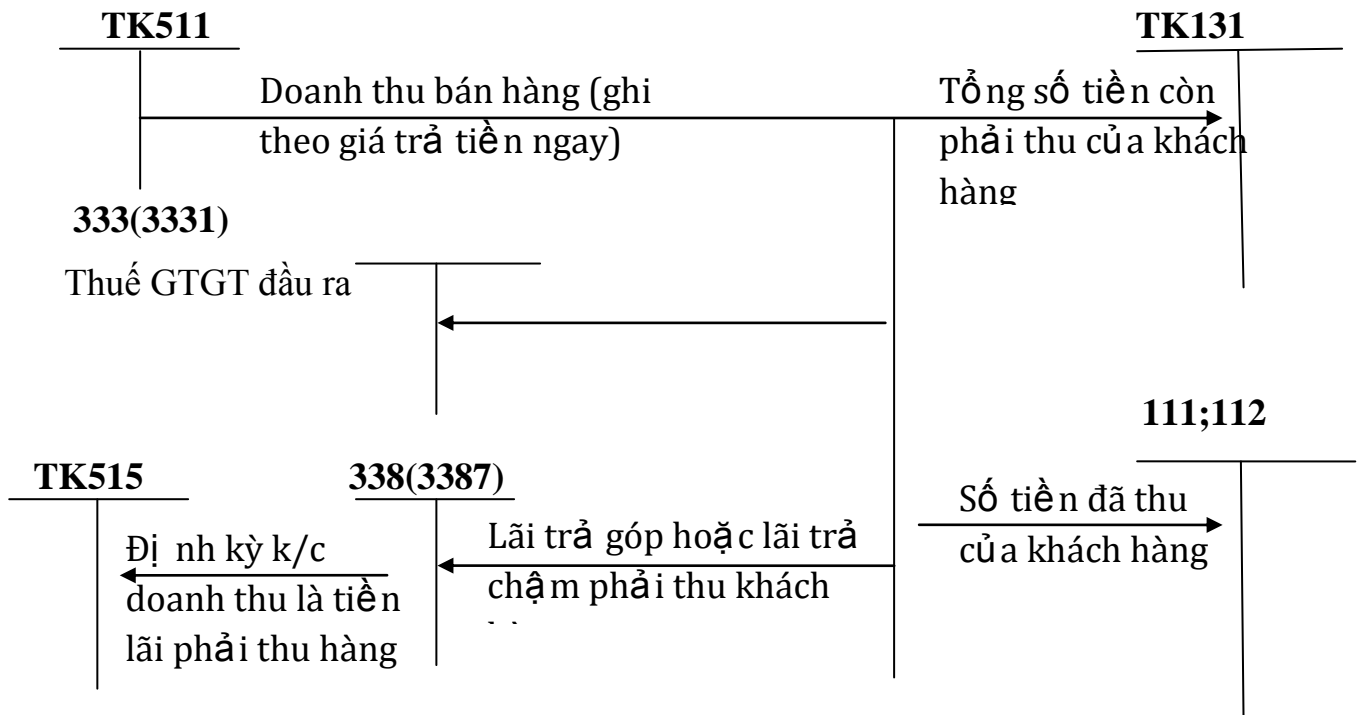
1.2.3. Kế toán tổng hợp bán hàng và xác định kết quả bán hàng

1.2.3.1. Kế toán tổng hợp bán hàng

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

Kế toán doanh thu bán hàng trả chậm trả góp

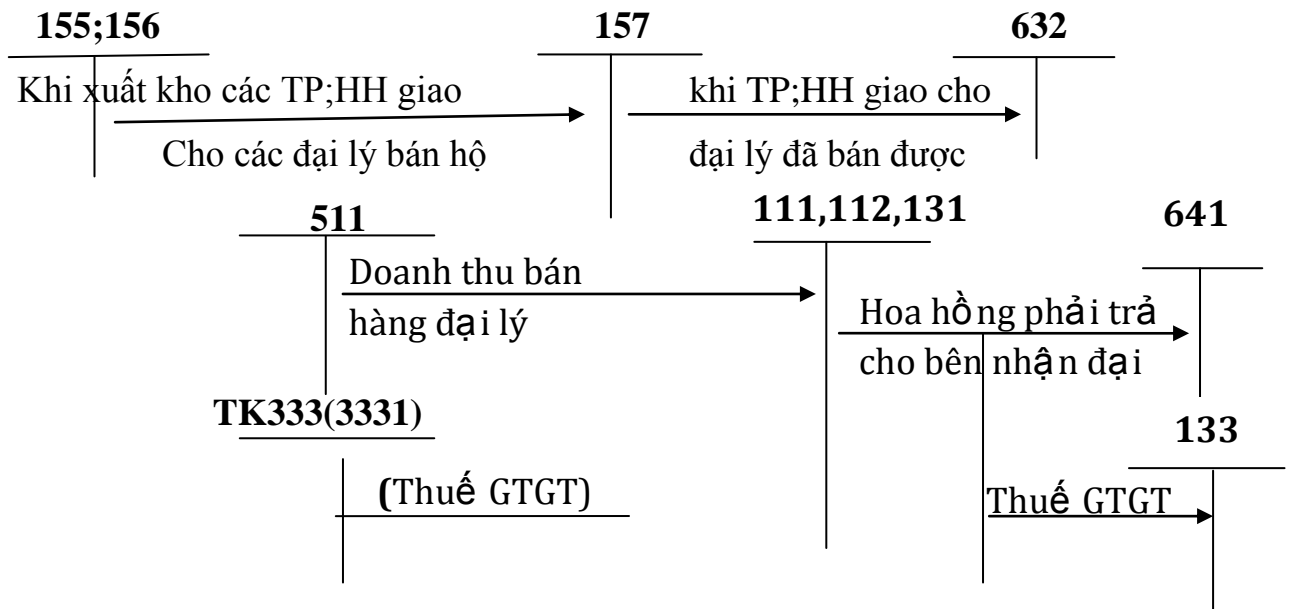
Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ kế toán theo phương thức đại lý

Kế toán theo phương thức đại lý

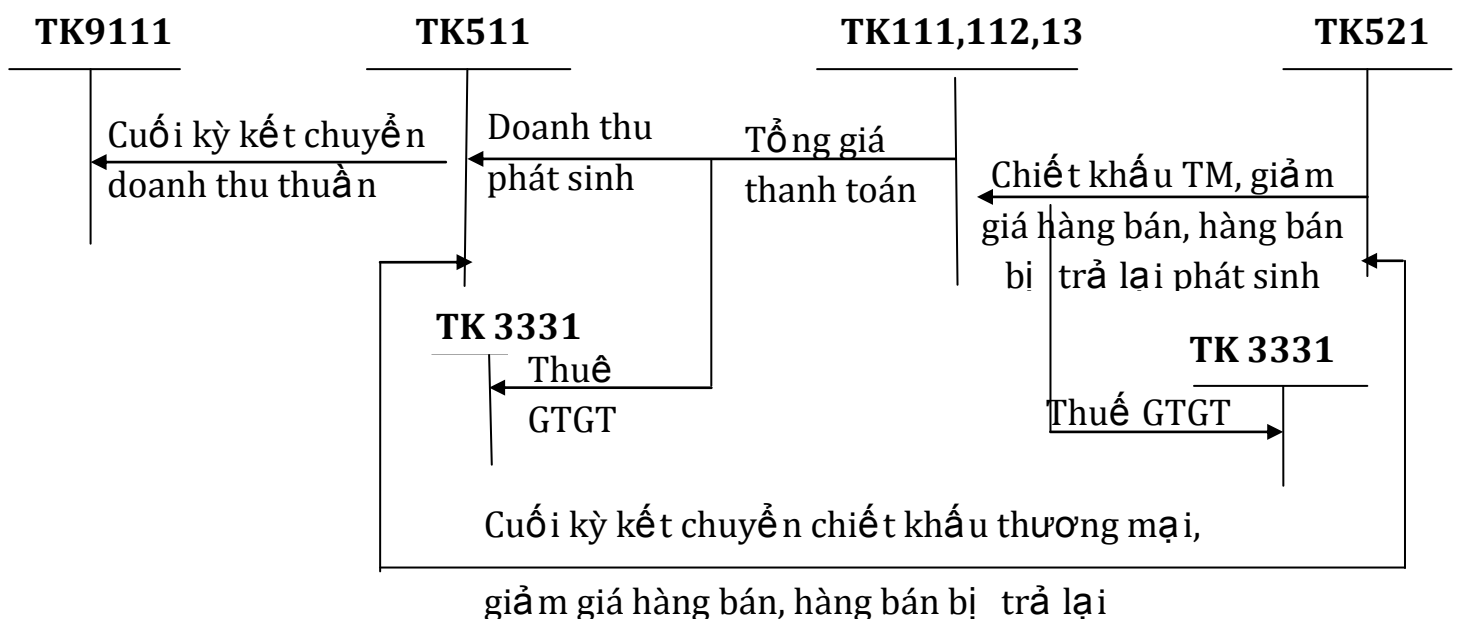
Theo quyết định 15/2006-QĐ-BTC



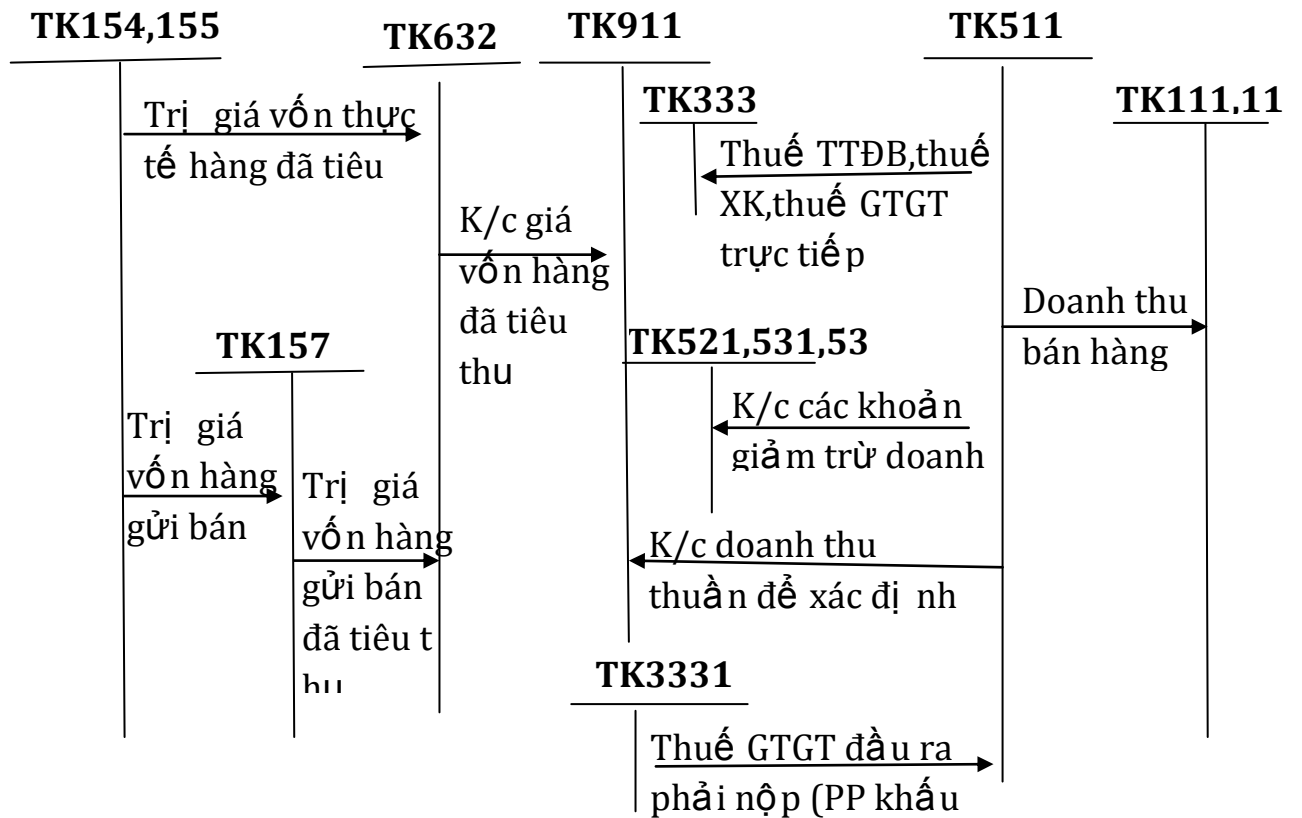
Sơ đồ 1.3: Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

Kế toán doanh thu bán hàng trực tiếp

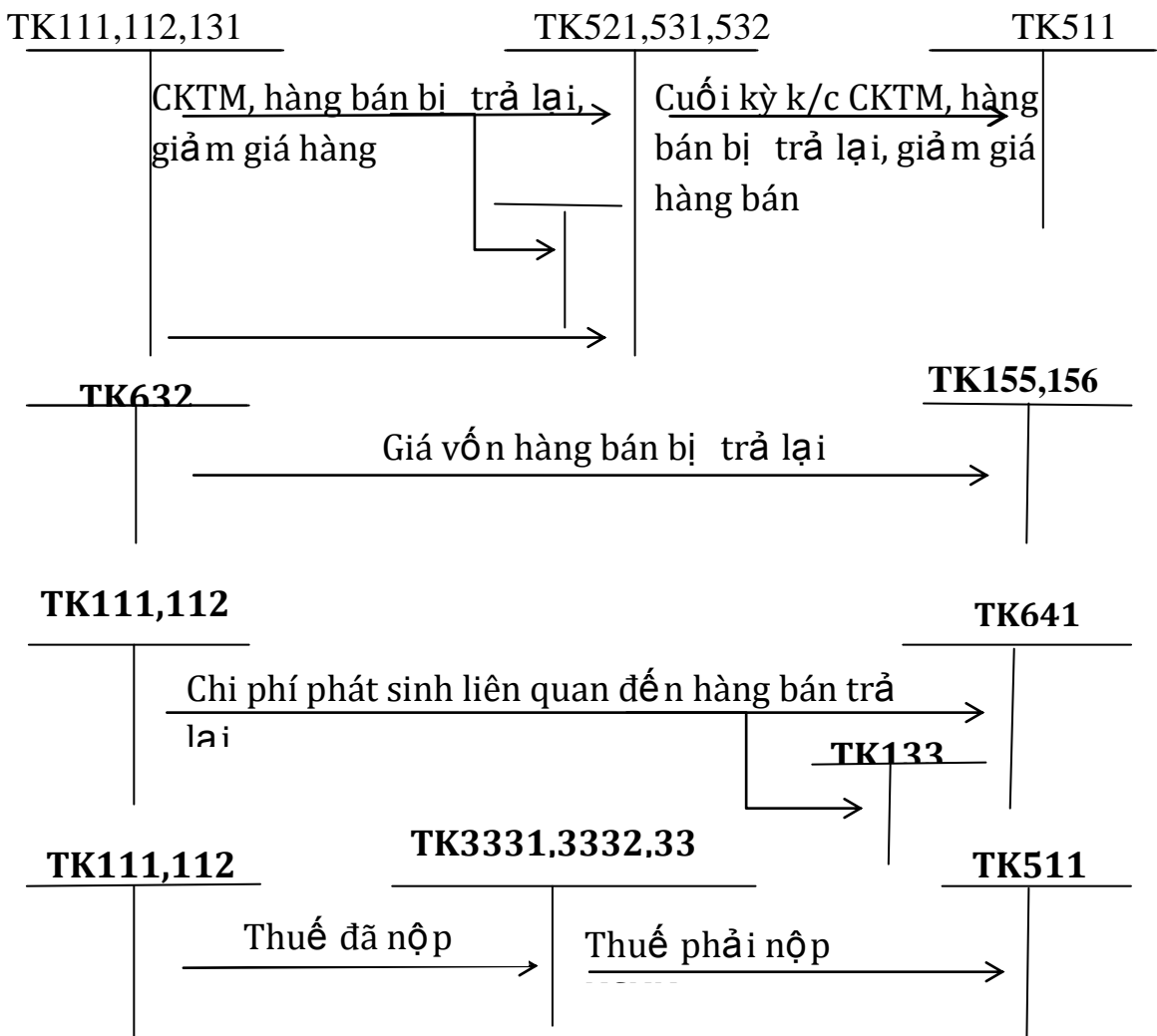
(Trường hợp doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)



Sơ đồ 1.4 Kế toán doanh thu bán buôn vận chuyển thẳng

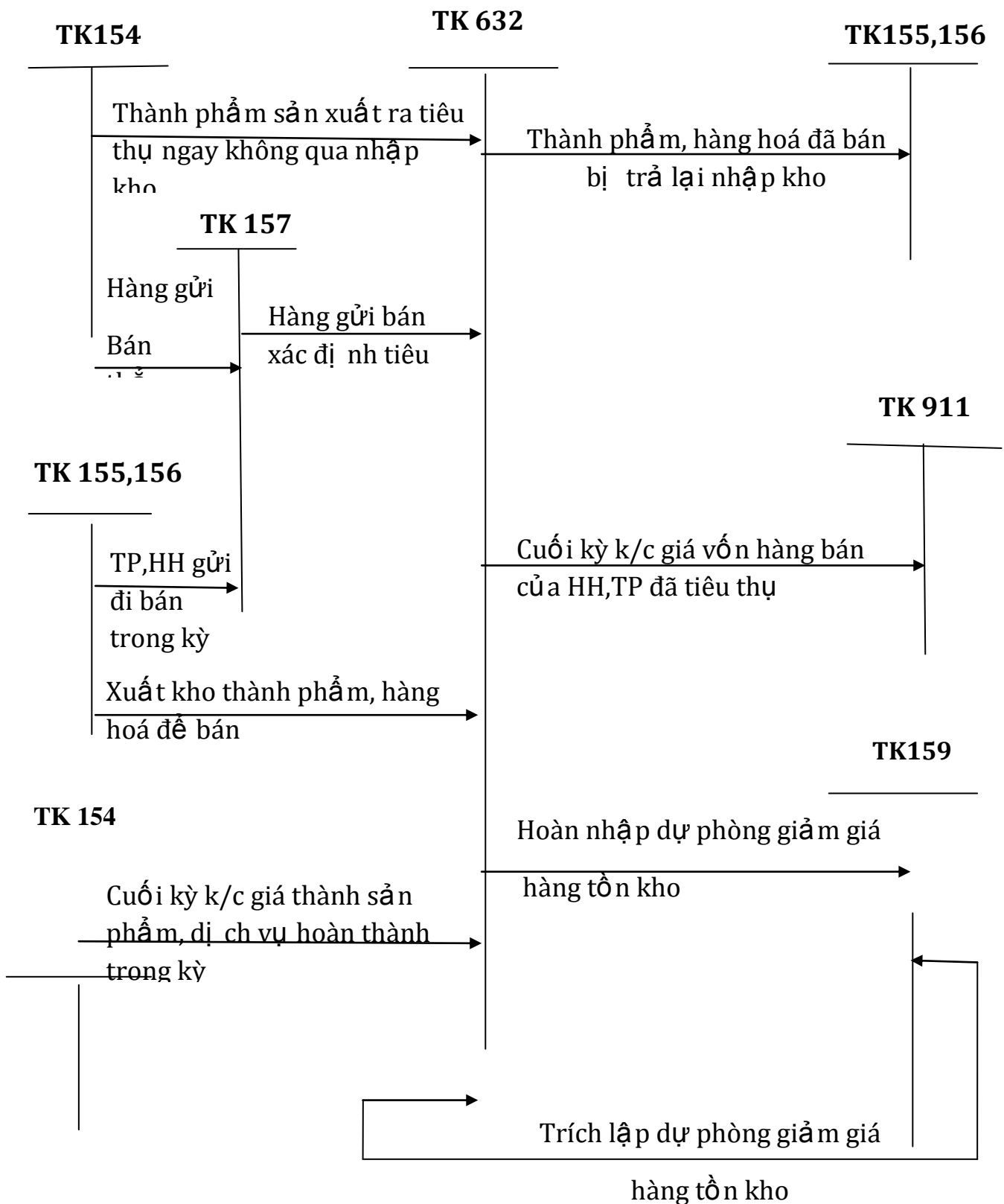


Sơ đồ 1.5: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

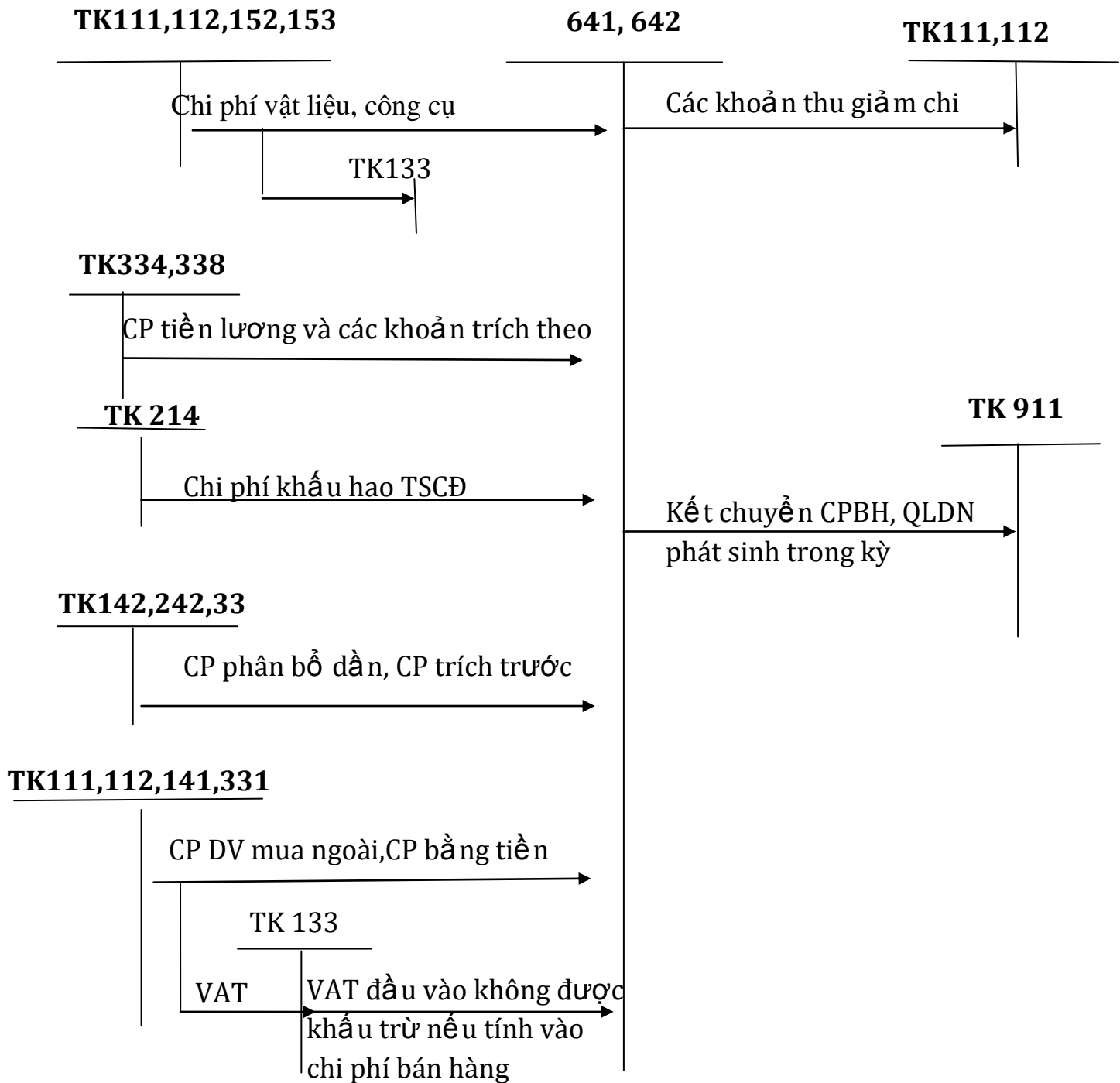


1.2.3.2. Kế toán xác định kết quả bán hàng

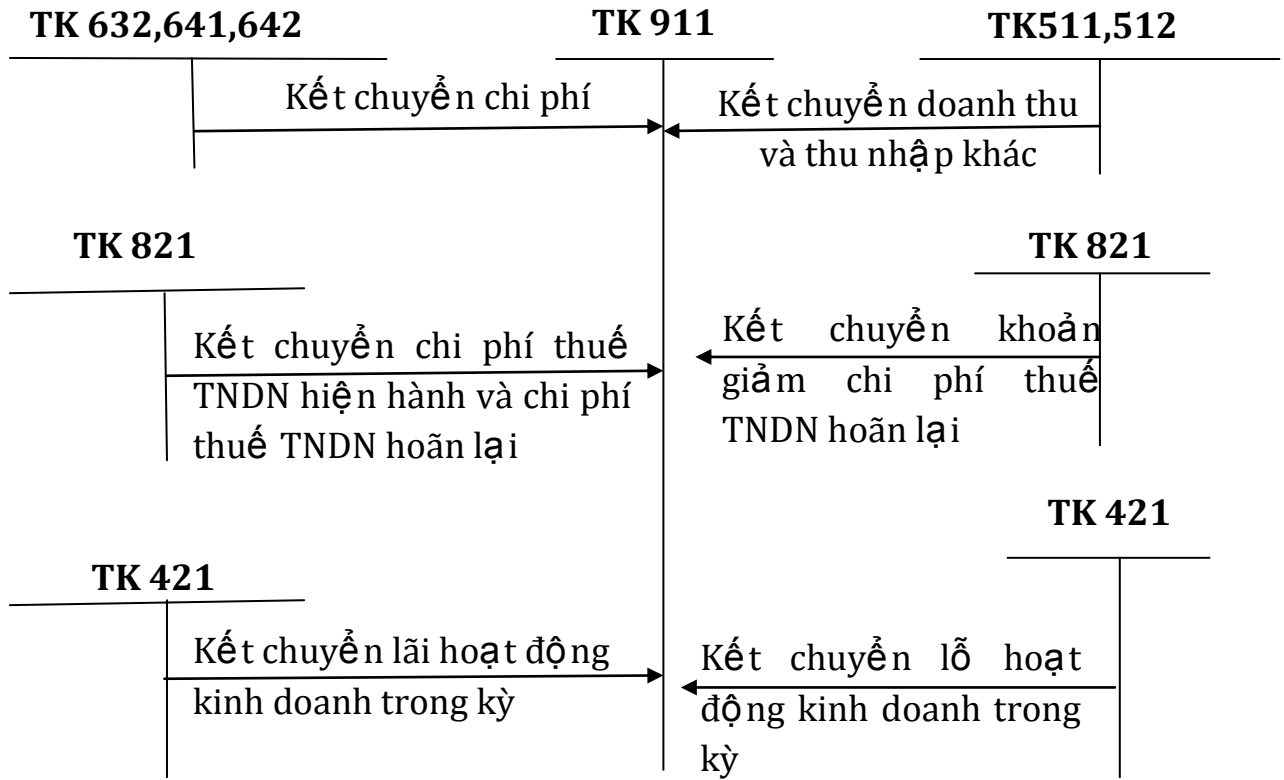
Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán giá vốn theo phương pháp kê khai thường xuyên



Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý DN



Sơ đồ 1.8: Kế toán tổng hợp xác định kết quả bán hàng



(Võ Văn Nhị, 2010)[3]

PHẦN 2: THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN BÁN HÀNG VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ BÁN HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

2.1. Khái quát chung về công ty cổ phần may Trường Sơn

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty cổ phần may Trường Sơn

Công ty cổ phần may Trường Sơn được thành lập ngày 17 tháng 01 năm 2007 theo quyết định số 0702000736 của Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hải Phòng. Là một công ty mới thành lập, công ty luôn nhận được sự giúp đỡ, hỗ trợ mọi mặt của Đảng, chính quyền địa phương trên con đường phát triển, hội nhập nên thời gian gần đây, các hoạt động sản xuất của công ty tương đối khả quan. Công ty đã có nhiều nỗ lực không ngừng cho sự phát triển toàn diện trong lĩnh vực quản lý như: quản lý nhân sự, chất lượng sản phẩm, cải tiến thiết kế mẫu hàng, thay đổi phương thức tiếp thị, tăng cường khâu kiểm tra chất lượng sản phẩm ngay từ công đoạn nhập nguyên phụ liệu tới khi sản phẩm được giao cho khách hàng sử dụng. Hiện nay công ty đã đi vào hoạt động ổn định và có những bước thay đổi đáng kể so với ban đầu. Công ty đang có kế hoạch gia tăng sản lượng cho những năm tới, cố gắng xây dựng thương hiệu trên trường quốc tế.

Tên giao dịch: Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Tên tiếng Anh: TRUONG SON GARMENT JOIN STOCK COMPANY

Loại hình: Công ty cổ phần

Trụ sở Công ty: Tổ 8 – Phường Hòa Nghĩa – Quận Dương Kinh - Hải Phòng

Điện thoại: 0303815267.

Mã số thuế: 0201268638

Tài khoản ngân hàng: 102010000973216- Ngân hàng VIETINBANK, chi nhánh Hải Phòng.

Ngành nghề đăng ký kinh doanh: Công ty cổ phần may Trường Sơn chuyên cung cấp các loại sản phẩm , dịch vụ sau:

-May gia công hàng chất lượng cao cho các thương hiệu thời trang nổi tiếng trong và ngoài nước

-Sản xuất hàng may mặc mang thương hiệu riêng theo đơn đặt hàng của khách hàng si(như hệ thống siêu thị, bán lẻ) với yêu cầu chất lượng tốt và giá cả vừa phải.

-Thiết kế,sản xuất, kinh doanh hàng thời trang may mặc với chiến lược đa thương hiệu phục vụ các phân khúc tiêu dùng khác nhau từ phổ thông đến cao cấp.

- Kinh doanh nhập khẩu nguyên phụ liệu ngành may mặc phục vụ sản xuất của công ty và các công ty khác trong ngành

Năm 2008 do mới thành lập công ty, thiếu kinh nghiệm trong tổ chức quản lý, tay nghề công nhân còn yếu nên năng suất thấp, hàng hoá lỗi hỏng nhiều, công ty kinh doanh liên tục bị lỗ do không cạnh tranh được với các thương hiệu đã có từ lâu nên tình hình tài chính khó khăn.

Năm 2010-2011 với nỗ lực đổi mới công nghệ, phương thức kinh doanh, nâng cao tay nghề cho công nhân, đào tạo cán bộ, tổ chức lại bộ máy quản lý...tình hình kinh tế tại công ty dần được phục hồi và thu được nhiều thành quả đáng kể: quy mô sản xuất ngày càng mở rộng, năm 2009 chỉ có 6 chuyền may, 150 công nhân thì đến cuối năm 2012 số lượng chuyền may tăng lên là 8 chuyền với số lượng lao động là 365 người; chất lượng hàng hoá tăng lên, thu nhập của lao động trong doanh nghiệp tăng tạo niềm tin cho công nhân tiếp tục làm việc, ký kết nhiều hợp đồng kinh tế với khách hàng....

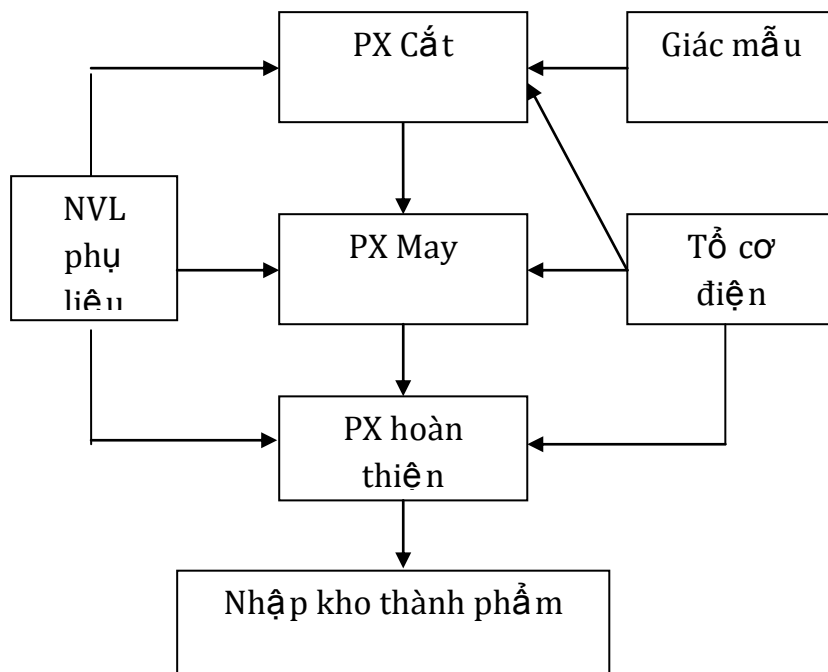
Năm 2012 tới nay công ty nhận được nhiều đơn đặt hàng của khách hàng trong và ngoài nước. Để đáp ứng nhu cầu sản xuất công ty tăng cường đầu tư xây dựng, mở rộng quy mô sản xuất, thành lập thêm 3 chuyền may và tuyển thêm 140 lao động mới. Các khâu bán hàng, maketting cũng được chú trọng, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng.Vì vậy mà sản phẩm của công ty ngày càng được nhiều người ưa chuộng, uy tín của công ty được nâng cao.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

2.1.2.1 Đặc điểm về tình hình sản xuất của công ty

Công ty cổ phần may Trường Sơn là công ty chủ yếu gia công và sản xuất các sản phẩm hàng may mặc theo quy trình công nghệ khép kín với các loại máy móc chuyên dụng. Tính chất sản xuất của công ty là tính chất sản xuất phức tạp, kiểu liên tục, loại hình sản xuất hàng loạt với khối lượng lớn, chu kỳ sản xuất phụ thuộc vào từng mã hàng cụ thể nhưng nhìn chung là sản xuất có chu kỳ ngắn. Mô hình sản xuất công nghiệp của công ty bao gồm các phân xưởng, trong đó bao gồm nhiều tổ, đội đảm bảo chức năng và nhiệm vụ cụ thể khác nhau nhằm phù hợp với quy trình công nghệ sản xuất công nghiệp của công ty.

2.1.2.2 Quy trình công nghệ sản xuất tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn



Sơ đồ 2.1: Quy trình công nghệ tại CÔNG TY CP MAY TRƯỜNG SƠN

Hàng may mặc được sản xuất theo chu trình khép kín gồm: mua hoặc nhập khẩu nguyên vật liệu, tiếp nhận giám định vật tư, thiết kế, may mẫu, duyệt mẫu, giác mẫu, cắt, may, là hơi, đóng gói, giao hàng.

Nguyên vật liệu chính được nhập về kho theo từng chủng loại theo yêu cầu của khách hàng. Tức là khách hàng đặt hàng đồng thời khách hàng sẽ cung cấp luôn số nguyên vật liệu chính cho công ty.

Trên cơ sở mẫu mã, thông số theo yêu cầu của khách hàng, phòng kỹ thuật sẽ ra mẫu, may sản phẩm mẫu và chuyên mẫu cho phân xưởng cắt. Tại đây công nhân lần lượt thực hiện các công việc: trải vải, đặt mẫu kỹ thuật và cắt thành bán thành phẩm, sau đó đánh số, phối kiện chuyên giao cho phân xưởng may.

Ở phân xưởng may, tại đây các công nhân thực hiện các công việc: chập lót, trần bông, giáp vai, may cổ, may nẹp, măng séc... được tổ chức thành dây chuyền.

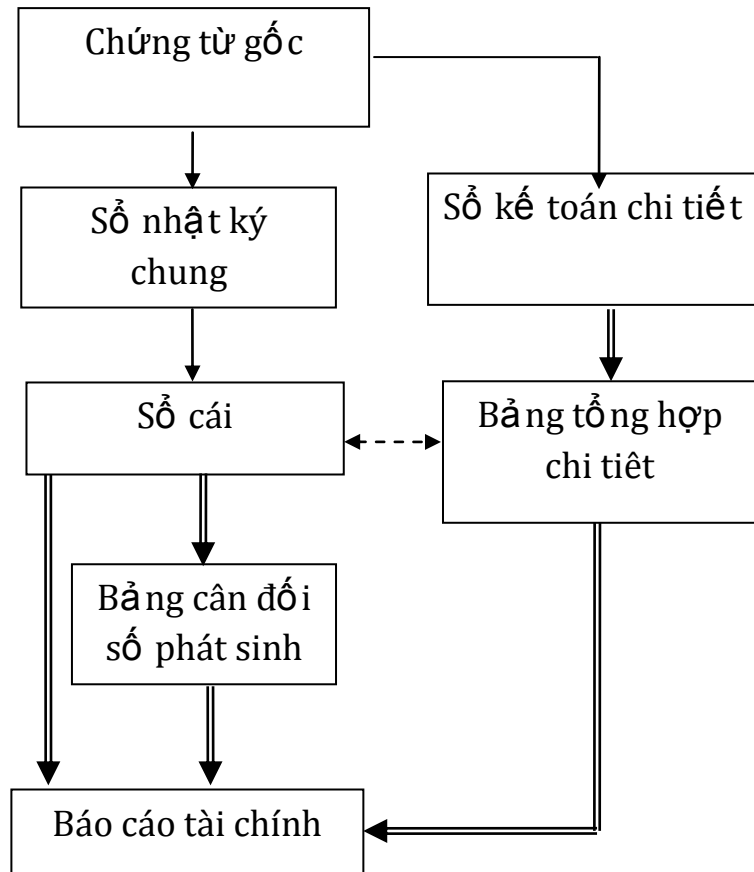
Bước cuối cùng của dây chuyền là sản phẩm hoàn thành khi may, phải sử dụng các phụ liệu như khóa, chỉ, chun, cúc... may xong chuyên giao phân xưởng hoàn thiện.

Ở xưởng hoàn thiện sẽ tiến hành các bước: là hơi, kiểm tra chất lượng sản phẩm theo các tiêu chuẩn đã ký kết trong hợp đồng, sau đó đóng gói sản phẩm và cuối cùng nhập kho thành phẩm.

2.1.2 Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Hiện nay công ty cổ phần may Trường Sơn áp dụng hình thức **Nhật ký chung** để thu nhận, xử lý và cung cấp các thông tin liên quan đến chỉ tiêu kinh tế- tài chính phục vụ cho việc thiết lập các báo cáo tài chính và ra các quyết định.

Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn



Sơ đồ 2.2: Quy trình ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung tại Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ghi chú:

Ghi hằng ngày: \longrightarrow

ghi cuối tháng: \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu: \longleftrightarrow

Chế độ, chính sách kế toán Công ty đang áp dụng

- Chế độ kế toán áp dụng: Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.
- Niên độ kế toán: bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong hạch toán kế toán: Việt Nam đồng (VNĐ)
- Hình thức kế toán: Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung
- Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Hạch toán chi tiết hàng tồn kho theo phương pháp ghi thẻ song song.
- Tính giá vốn hàng tồn kho theo phương pháp nhập bình quân sau mỗi lần nhập.
- Tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ
- Tính và trích khấu hao TSCĐ theo phương pháp đường thẳng.

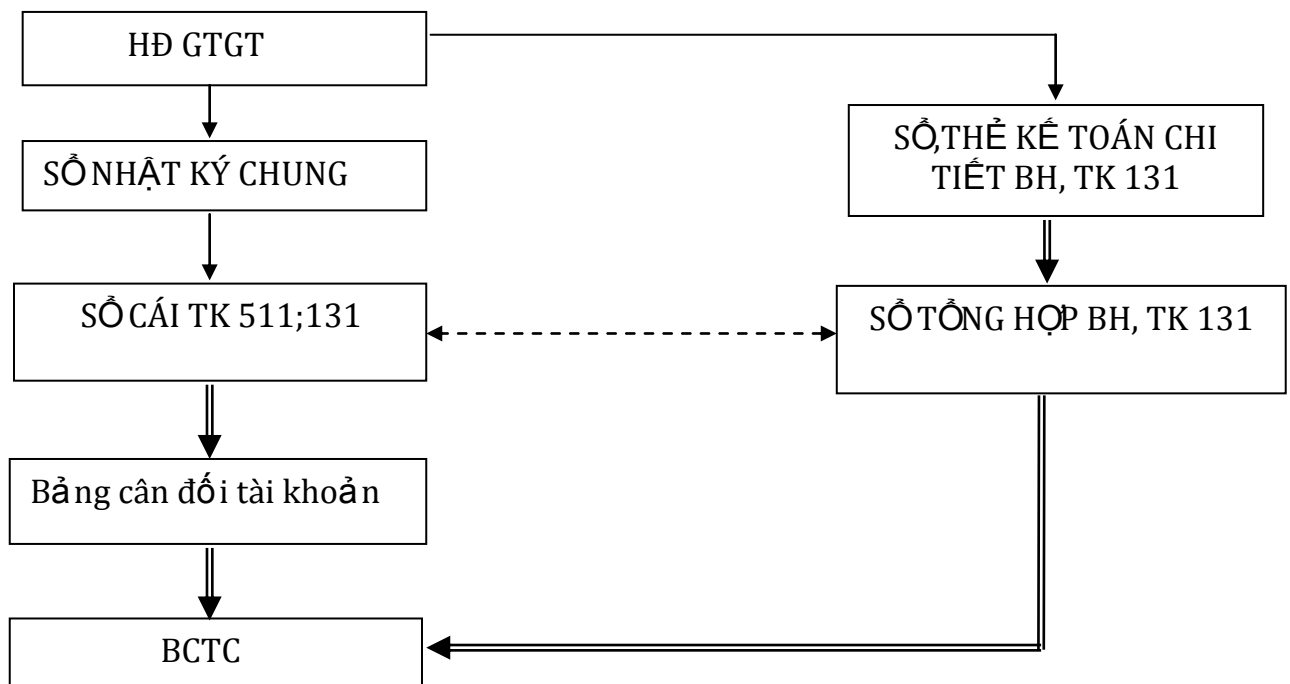
2.2. Thực trạng tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty cổ phần may Trường Sơn

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Chứng từ sử dụng trong hạch toán kế toán doanh thu bán hàng

- Hóa đơn giá trị gia tăng
- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng
- Chứng từ thanh toán: giấy báo có
- Các chứng từ có liên quan khác

➤ **Quy trình hạch toán**



Sơ đồ 2.3: Quy trình hạch toán kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ====→ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ
- ←-----→ Đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ:

Tháng 06/2013, Công ty phát sinh một số nghiệp vụ bán hàng. Căn cứ vào các chứng từ trên kế toán tiến hành ghi vào sổ NKC, từ Sổ Nhật ký chung vào sổ cái 511, Sổ cái TK 333, Sổ cái TK131.

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng tiến hành theo dõi các khoản nợ phải thu trên sổ chi tiết 131.

- Ngày 11/06/2013 bán hàng cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh theo hóa đơn số 0002842 chưa thanh toán.

- Ngày 16/06/2013 bán hàng cho công ty TNHH Nam Việt hóa đơn số 0002855 thanh toán ngay bằng chuyển khoản.

- Ngày 21/06/2013 bán hàng cho công ty Hồng Anh theo hóa đơn số 0002871 chưa thanh toán.

Biểu 2.1: Hóa đơn GTGT

Công ty cổ phần may Trường Sơn
Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

Mẫu số:01GTKT/3LL/ 01
Ký hiệu: AA/ 13P
Số:0002842

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 11/06/2013

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần may Trường Sơn
Địa chỉ : Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – Hải Phòng
Điện thoại : 0303.815267 MS:

0 2 0 1 2 6 8 6 3 8

Họ tên người mua hàng: Công ty Cổ phần thương mại Hoa Vinh
Địa chỉ : Đống Đa – Hà Nội

Hình thức thanh toán: MS:

0 1 0 7 3 6 3 4 7 1

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Áo Somi	Chiếc	200	230.000	46.000.000
2	Quần âu	Chiếc	200	250.000	50.000.000
3	Áo vest	Chiếc	100	400.000	40.000.000
	Cộng tiền hàng				136.000.000

Thuế GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:**13.600.000**
 Tổng cộng tiền thanh toán: **149.600.000**
 Số tiền viết bằng chữ: Một trăm bốn mươi chín triệu sáu trăm nghìn đồng/
Người mua hàng **Kế toán trưởng** **Giám đốc**
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)
 (Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn) [2]

Biểu 2.2: Hóa đơn GTGT

Công ty cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số:01GTKT-3LL- 01

Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

Ký hiệu: AA/ 13P

Số: 002855

HOÁ ĐƠN GTGT

Liên 3: Nội bộ

Ngày 16/06/2013

Đơn vị bán hàng: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ : Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng

Điện thoại : 0303.815267 MS:

Họ tên người mua hàng: Công ty TNHH Nam Việt

Địa chỉ : Thụy Hương- Kiến Thụy – Hải Phòng

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản MS:

STT	Tên hàng hoá	Đơn vị	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Áo sômi	Chiếc	300	180.000	54.000.000
2	Đầm công sở	Chiếc	150	350.000	52.500.000
3	Quần kaki	Chiếc	200	250.000	50.000.000
4	Áo chống nắng	Chiếc	300	160.000	48.000.000
	Cộng tiền hàng				204.500.000

Thuế GTGT: 10%

Tiền thuế GTGT: **20.450.000**

Tổng cộng tiền thanh toán:

224.950.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai trăm hai mươi tư triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng

Người mua hàng

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.3:Giấy báo Có của ngân hàng



GIẤY BÁO CÓ

Số TK: 102010000973216

Tên Tài khoản: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Ngân hàng thương mại cổ phần công thương xin trân trọng thông báo: Tài khoản của quý khách được ghi có với nội dung sau

Ngày	Số tiền	Loại tiền	Diễn giải
16/06/2013	224.950.000	VND	NH Phát lệnh: PHÒNG THANH TOÁN NGÂN QUỸ NH giữ tài khoản: Chi nhánh Hải Phòng – NHTMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM Số TK: 102010000973216 Người chuyển: CÔNG TY TNHH Nam Việt Nội dung giao dịch: Thanh toán tiền hàng

Biểu số 2.4: Sổ chi tiết thanh toán với người mua

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số S30 – DN

Địa chỉ: Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC

ngày 20/03/02006 của Bộ trưởng BTC

SỔ CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 06/2013

Tài khoản: 130 (Trích)

Đối tượng: Công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số phát sinh		Số dư	
	SH	NT			Nợ	Có	Nợ	Có
			Số dư đầu tháng				20.500.000	
			SPS tháng					
11/06	0002842	21/06	Doanh thu bán hàng	511	136.000.000		156.500.000	
			Thuế GTGT phải nộp	3331	13.600.000		170.100.000	
29/06	PT 124	29/06	Thu tiền bán hàng	111		100.000.000	70.100.000	
			
			Cộng SPS tháng		149.600.000	120.000.000		
			Số dư cuối tháng				50.100.000	

Sổ này có 01 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 01/06/2013

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Từ sổ chi tiết thanh toán với người mua, kế toán vào sổ tổng hợp thanh toán với người mua.

Biểu số 2.5: Sổ tổng hợp thanh toán với người mua

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT THANH TOÁN VỚI NGƯỜI MUA

Tháng 06/2013

Tài khoản: 131 (Trích)

STT	Khách hàng	Số dư đầu kỳ		SPS trong kỳ		Số dư cuối kỳ	
		Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
1	Công ty CP thương mại Hoa Vinh	20.500.000		149.600.000	120.000.000	50.100.000	
2	Công ty Hồng Anh			209.000.000		209.000.000	
3	Công ty Thuận Phát	45.600.000		176.000.000		221.600.000	
						
	Cộng	175.800.000		550.000.000	280.000.000	445.800.000	

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người lập

(Ký tên)

Kế toán trưởng

(Ký tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.6: Sổ nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

(Đơn vị tính: Đồng)

Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT Dòng	SH TK	Số phát sinh	
SH	NT					Nợ	Có
		Số trang trước chuyển sang					
						
0002842	11/06	Doanh thu bán sản phẩm	X		131	149.6000.000	
					511		136.000.000
					3331		13.600.000
.....					
0002855	16/06	Doanh thu bán sản phẩm	X		112 511 3330	224.950.000	204.500.000 20.450.000
.....					
0002871	21/06	Bán hàng cho công ty Hồng Anh	X		131 511 3331	209.000.000	190.000.000 19.000.000
0002873	21/06	Doanh thu bán hàng cho công ty Thuận Phát	X		131 511 3331	176.000.000	160.000.000 16.000.000
GBC154	25/06	Thu tiền lãi từ ngân hàng			112 515	613.521	613.521
.....						
		Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.7: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Sản phẩm: Áo sơ mi

Năm 2013

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Doanh thu			Các khoản giảm trừ
	SH	NT			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	
	
11/06	0002842	11/06	Bán cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	131	200	230.000	46.000.000	0
16/06	0002855	16/06	Bán cho Cty TNHH Nam Việt	112	300	180.000	54.000.000	0
21/06	0002871	21/06	Bán cho công ty Hồng Anh	131	350	210.000	73.500.000	0
21/06	0002873	21/06	Bán hàng cho công ty Thuận Phát	131	300	200.000	60.000.000	0
						
			Cộng số phát sinh				391.250.000	
			- Doanh thu thuần				335.685.500	
			- Giá vốn hàng bán				55.564.500	
			- Lãi gộp					
			Cộng					

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.8: Sổ tổng hợp chi tiết

Đơn vị: : Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tháng 06 năm 2013

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu bán hàng	Khoản giảm trừ	Doanh thu thuần
1	Áo somi	391.250.500	0	391.250.500
2	Áo vest	490.473.439	0	490.473.439
3	Quần âu	405.190.749	0	405.190.749
4	Áo chống nắng	208.575.250	0	208.575.250
5	Quần jean	507.010.062		507.010.062
	Cộng	2.002.500.000	0	2.002.500.000

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán tại công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 511 (TRÍCH)

Đơn vị: : Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu 511

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
				T.số	STT dòng		Nợ	Có
.....					
11/06	0002842	11/06	DT bán sản phẩm cho công ty CP thương mại Hoa Vinh			131		136.000.000
16/06	0002855	16/06	DT bán sản phẩm cho công ty TNHH Nam Việt			112		204.500.000
21/06	0002871	21/06	DT bán sản phẩm cho công ty Hồng Anh			131		190.000.000
21/06	0002873	21/06	DT bán sản phẩm cho công ty Thuận Phát			131		160.000.000
.....					
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu			911	2.002.500.000	
			Cộng phát sinh tháng				2.002.500.000	2.002.500.000
			Số dư cuối tháng					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty Cổ phần may Trường Sơn

❖ Chứng từ kế toán sử dụng

Kế toán giá vốn hàng bán công ty sử dụng chứng từ là:

- Phiếu xuất kho
- Các chứng từ liên quan khác như: Giấy biên nhận, phiếu chi, giấy báo nợ...

❖ Tài khoản sử dụng

Đề hạch toán giá vốn hàng bán kế toán sử dụng các tài khoản:

TK 632 – Giá vốn hàng bán

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán:

Công ty xác định giá vốn hàng hoá theo phương thức bình quân sau mỗi lần nhập

$$P_N = \frac{P_{TN}}{SL_N}$$

Giải thích

P_N : Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập

P_{TN} : Giá thực tế hàng hoá tồn kho sau mỗi lần nhập

SL_N : Số lượng thực tế hàng hoá tồn sau mỗi lần

Ví dụ: Tính giá vốn hàng bán cho mặt hàng áo somi

- Ngày 1/5/2013 tồn kho 300 sản phẩm, đơn giá 160.000đ/chiếc
- Ngày 06/06/2013 nhập kho 300 sản phẩm, đơn giá 180.000đ/chiếc
- Ngày 11/06/2013 xuất kho 200 sản phẩm cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh
- Ngày 12/06/2013 nhập kho 400 sản phẩm, đơn giá 130.000đ/sản phẩm
- Ngày 16/5/2013 xuất kho 300 sản phẩm cho công ty TNHH Nam Việt

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 06/06

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân của mặt} \\ \text{hàng áo somi} \end{array} = \frac{(300 \times 160.000) + (300 \times 180.000)}{300 + 300} = 170.000\text{đ/chiếc}$$

Vậy trị giá hàng xuất kho ngày 11/06 là: $170.000\text{đ} \times 200 = 34.000.000$

Tồn: $(300 \times 160.000) + (300 \times 180.000) - (200 \times 170.000) = 68.000.000\text{đ}$

Đơn giá bình quân sau lần nhập ngày 12/06

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá bình} \\ \text{quân sau ngày} \\ 12/06 \end{array} = \frac{68.000.000 + (400 \times 130.000)}{400 + 400} = 150.000\text{đ/SP}$$

Trị giá hàng xuất kho ngày 16/06 là $150.000\text{đ} \times 300 = 45.000.000$

Tồn : $68.000.000 + (400 \times 130.000) - 45.000.000 = 75.000.000$

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho

Đơn vị: : Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số 02-VT

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh -
Hải Phòng.

(Ban hành theo quyết định số
15/2006/QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của
Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 06 năm 2013

Số: 115

Nợ TK 632

Có TK 155

Họ, tên người nhận hàng : Nguyễn Thị Thu

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty Cổ phần thương mại Hoa Vinh

Xuất tại kho : Công ty cổ phần may Trường Sơn

STT	Tên sản phẩm	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Áo sơ mi		chiếc	200	200	170.000	34.000.000
02	Quần âu		chiếc	200	200	200.000	40.000.000
03	Áo vest		chiếc	100	100	320.000	32.000.000
	Tổng cộng						106.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ : Một trăm linh sáu triệu đồng chẵn.

Xuất, ngày 11 tháng 06 năm 2013

Thủ kho **Người lập phiếu** **Kế toán trưởng** **Người nhận** **Giám đốc**(Ký,
họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho

Công ty cổ CP may Trường Sơn

Mẫu số 02-VT

Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

(Ban hành theo quyết định số 15/ 2006 /QĐ –
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 06 năm 2013 Nợ TK 632

Số 126C6 TK 155

Họ, tên người nhận hàng : Trần Thu Hà

Lý do xuất kho : Xuất bán cho Công ty TNHH Nam Việt

Xuất tại kho : Công ty cổ phần may Trường Sơn

STT	Tên hàng hoá	Mã số	Đơn vị	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
01	Áo somi		chiếc	300	300	150.000	45.000.000
002	Đầm công sở		chiếc	150	150	300.000	45.000.000
03	Quần kaki		chiếc	200	200	200.000	40.000.000
04	Áo chống nắng		chiếc	300	300	120.000	36.000.000
	Tổng cộng						166.000.000

Cộng thành tiền (bằng chữ): *Một trăm sáu mươi sáu triệu đồng chẵn/*

Xuất, ngày 16 tháng 06 năm 2013

Thủ kho Người lập phiếu Kế toán trưởng Người nhận Giám đốc
 (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.12: Sổ chi tiết giá vốn

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tên sản phẩm: Áo somi

Tháng 06 năm 2013 (trích)

Đơn vị tính: VNĐ

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
	SH	Ngày tháng				
			...			
11/06	PX115	11/06	Xuất bán cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	200	170.000	34.000.000
			...			
16/06	PX126	16/06	Xuất bán cho công ty TNHH Nam Việt	300	150.000	45.000.000
		
21/06	PX138	21/06	Xuất bán cho C.Ty Hồng Anh	350	160.000	56.000.000
21/06	PX144	21/06	Xuất bán cho C.Ty Thuận Phát	300	165.000	49.500.000
			...			
			Cộng phát sinh			335.685.500

Sổ này có 03 trang, đánh số từ trang số 01 tới trang 03

Ngày mở sổ: 01/06/2013

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán tại công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.13: Sổ tổng hợp chi tiết giá vốn hàng bán

Đơn vị: Công ty CP may Trường Sơn

Địa chỉ: : Tô 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh- Hải Phòng.

SỔ TỔNG HỢP CHI TIẾT GIÁ VỐN HÀNG BÁN

Tháng 06 năm 2013

(trích)

Đơn vị tính: VNĐ

STT	Tên sản phẩm	Giá vốn hàng bán
01	Áo somi	335.685.500
02	Quần âu	406.599.265
03	Áo vest	336.414.191
04	Áo chống nắng	170.350.125
05	Quần jean	394.450.919
	Cộng	1.643.500.000

- Sổ này có 02 trang, đánh số từ trang số 01 đến trang số 02

- Ngày mở sổ: 01/06/2013

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.14 : Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - HP.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
							
11/06	PX115	11/06	Giá vốn hàng bán cho Công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh	X		632 155	106.000.000	106.000.000
11/06	0002842	11/06	Doanh thu bán sản phẩm	X		131 511 3331	149.6000.000	136.000.000 13.600.000
							
16/06	PX126	16/06	Giá vốn hàng bán cho công ty TNHH Nam Việt	X		632 155	166.000.000	166.000.000
16/06	0002855	16/06	Doanh thu bán sản phẩm	X		112 511 3331	224.950.000	204.500.000 20.450.000
.....					
21/06	PX138	21/06	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh	X		632 155	155.000.000	155.000.000
21/06	PX144	21/06	Giá vốn hàng bán cho công ty Thuận Phát	X		632 155	140.000.000	140.000.000
.....					
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển giá vốn	X		911 632	1.643.500.000	1.643.500.000
			Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.15: Sổ cái TK 632

Đơn vị: C.ty Cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa nghĩa – Dương Kinh- HP (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu 632

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...					
11/06	PX115	11/06	Giá vốn hàng bán cho công ty CP thương mại Hoa Vinh			155	106.000.000	
							
16/06	PX126	16/06	Giá vốn hàng bán cho c.ty TNHH Nam Việt			155	166.000.000	
							
21/06	PX138	21/06	Giá vốn hàng bán cho công ty Hồng Anh			155	155.000.000	
21/06	PX144	21/06	Giá vốn hàng bán cho công ty Thuận Phát			155	140.000.000	
.....					
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			911		1.643.500.000
			Cộng phát sinh tháng				1.643.500.000	1.643.500.000
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

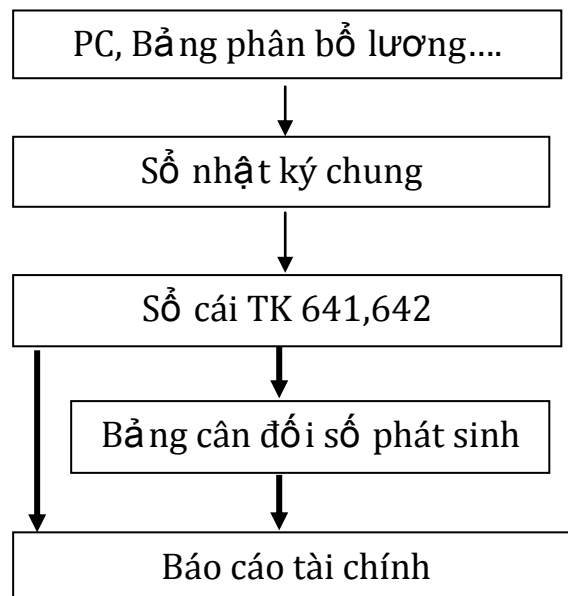
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý DN

✚ Chứng từ sử dụng

- Bảng thanh toán lương
- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định
- Hóa đơn GTGT, hóa đơn bán hàng
- Phiếu xuất kho
- Các hóa đơn dịch vụ mua ngoài
- Phiếu chi, giấy báo nợ của ngân hàng

✚ Tài khoản sử dụng: TK 641, 642

Trình tự ghi sổ kế toán



Ghi chú:

Ghi hàng ngày: →

Ghi cuối tháng →

Biểu 2.16: Bảng thanh toán tiền lương

Đơn vị: C.ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa nghĩa – Dương Kinh- HP

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG BỘ PHẬN BÁN HÀNG

Tháng 06 năm 2013

STT	Họ tên	Mức lương theo HĐ	Ngày công thực tế đi làm	Tổng lương phải trả	Phụ cấp ăn ca	Lương làm thêm giờ	Tổng lương	Tạm ứng	9.5% BHXH, BHTN, BHYT, KPCĐ	Thực lĩnh
1	Lê Thế Hùng	4.200.000	26	4.200.000	400.000		4.600.000	0	399.000	4.201.000
2	Đỗ Văn Duy	3.300.000	26	3.300.000	415.385	253.846	3.969.230	0	303.500	3.655.730
3	Trần Thị Lan	3.100.000	26	3.100.000	400.000		3.500.000	0	294.500	3.206.500
4	Nguyễn Thị Nụ	3.100.000	26	3.100.000	400.000		3.500.000	0	294.500	3.206.500
									
11	Nguyễn Thị Ngát	3.000.000	26	3.000.000	400.000	230.769	3.630.769	0	285.000	3.345.769
	Tổng	43.420.000		43.420.000	4.080.000	1.200.000	48.700.000	0	4.626.500	44.073.500

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.17: Bảng tính và phân bổ khấu hao

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng 06 năm 2013

STT	Chỉ tiêu	Tỉ lệ KH	Nơi sử dụng		TK641-Chi phí bán hàng	TK642-Chi phí QLDN
			Toàn DN			
			Nguyên giá	Số khấu hao		
A	B	1	2	3	4	5
1	I. Số khấu hao tháng trước		7.245.536.700	45.244.363	21.925.376	23.308.987
	- 5 máy tính LG	4	60.000.000	1.250.000	500.000	750.000
	- 2 máy điều hòa LG	3	25.000.000	694.444	230.481	462.963

2	II. Số khấu hao tăng trong tháng	10	460.000.000	3.833.333	3.833.333	
	- 2 xe chở hàng Huyndai 16M-9007	10	460.000.000	3.833.333	3.833.333	
3	III. Số khấu hao giảm trong tháng					
4	IV. Số khấu hao TSCĐ trích tháng này(IV=I + II+ III)		8.385.536.700	53.492.075	24.443.430	29.048.645

Kế toán

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.18: Sổ Nhật ký chung

Đơn vị: C.ty Cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa nghĩa – Dương Kinh- HP

Mẫu số: S03a- DN

Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ- BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013 (Trích)

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	STT dòng	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT				Nợ	Có
A	B	C	D	E	H	1	2
			Số trang trước chuyển sang		
						
12/06	HĐ438	12/06	Chi phí mua bao bì		641 111	11.080.000	11.080.000
.....				
30/06	BPBKH	30/06	Trích khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng		641 214	24.443.430	24.443.430
30/06	BPBTL	30/06	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận bán hàng		641 334 338	59.901.000	48.700.000 11.201.000
30/06	BPBTL	30/06	Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của bộ phận QLDN		642 334 338	76.875.000	62.500.000 14.375.000
30/06	BPBKH	30/06	Trích khấu hao cho bộ phận QLDN		642 214	29.048.645	29.048.645
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng		911	102.089.896	
					641		102.089.896
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí QLDN		911	138.030.000	
					642		138.030.000
.....				
			Cộng chuyển sang trang sau			15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần may Trường Sơn)[2]

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái tài khoản 641, 642

Biểu số: 2.19. Sổ cái TK 641

Đơn vị: C.ty Cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tô 8 – Hòa nghĩa – Dương Kinh- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 641

Năm 2013

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT Đồng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
...					
12/06	HD438	12/06	Chi phí mua bao bì			111	11.080.000	
.....					
16/06	PC360	16/06	Chi tiền điện thoại cho nhân viên bán hàng			111	3.300.000	
.....					
30/06	BPBTL	30/06	Tính lương phải trả cho nhân viên BH			334	48.700.000	
30/06	BPBTL	30/06	Các khoản trích theo lương của nhân viên			338	11.201.000	
30/06	BPBKH	30/06	Trích khấu hao TSCĐ cho bộ phận BH			214	24.443.430	
.....					
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			911		102.089.896
			Cộng phát sinh tháng				102.089.896	102.089.896
			Số dư cuối tháng					
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

(Nguồn: Phòng kế toán công ty CP may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.20: Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty Cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số S03b - DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa nghĩa – Dương Kinh- HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 642
Năm 2013

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SHTK đóíứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT Đòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
10/06	PC368	10/06	Chi tiếp khách			111	2.750.000	
10/06	PC369	10/06	Chi mua xăng xe			111	1.200.000	
.....					
12/06	PC372	12/06	Thanh toán tiền điện thoại			111	1.062.000	
25/06	BPBTL	25/06	Tính lương phải trả cho nhân viên quản lý			334	62.500.000	
25/06	BPBTL,BHXXH	25/06	Các khoản trích theo lương của nhân viên			338	14.375.000	
.....					
30/06	BPBKH	30/06	Khấu hao tài sản cố định			214	29.048.645	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp			911		138.030.000
			Cộng phát sinh tháng				138.030.000	138.030.000
			Cộng lũy kể từ đầu quý					

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

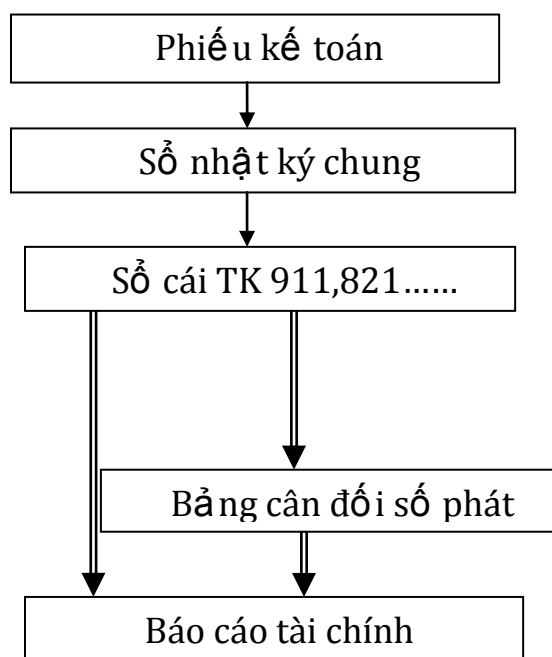
Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn[2])

2.2.2.4. Kế toán xác định kết quả bán hàng tại công ty cổ phần may Trường Sơn



Sơ đồ 2.8: Quy trình ghi sổ kế toán xác định kết quả bán hàng theo hình thức nhật ký chung tại Công ty CP May Trường Sơn

Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc cuối kỳ

Biểu 2.21: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 52

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển doanh thu thuần	511	911	2.002.500.000
2	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	120.128.000
	Cộng			1.122.628.000

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.22: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 53

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	1.643.500.000
2	Kết chuyển chi phí tài chính	911	635	58.142.635
3	Kết chuyển CPBH	911	641	102.089.896
4	Kết chuyển CPQLDN	911	642	138.030.000
5	Kết chuyển chi phí khác	911	811	22.385.545
	Cộng			1.964.120.717

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.23: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 54

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	39.626.820
	Cộng			39.626.820

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.24: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 55

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển chi phí thuế TNDN	911	821	39.626.820
	Cộng			39.626.820

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu 2.25: Phiếu kế toán

PHIẾU KẾ TOÁN

Số: 56

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

STT	Nội dung	Số TK		Số tiền
		Nợ	Có	
1	Kết chuyển lợi nhuận sau thuế	911	421	118.880.104
	Cộng			118.880.104

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.26: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK		Số tiền	
	SH	NT		Nợ	Có	Nợ	Có
						
30/06	PKT 52	30/06	Kết chuyển doanh thu	511	911	2.002.500.000	2.002.500.000
30/06	PKT 53	30/06	Kết chuyển giá vốn	911	632	1.643.500.000	1.643.500.000
						
30/06	PKT 53	30/06	Kết chuyển CPBH	911	641	102.089.896	102.089.896
30/06	PKT 53	30/06	Kết chuyển CP QLDN	911	642	138.030.000	138.030.000
						
30/06	PKT 54	30/06	Xác định thuế TNDN phải nộp	821	3334	39.626.820	39.626.820
30/06	PKT 55	30/06	K/C thuế TNDN phải nộp	911	821	39.626.820	39.626.820
30/06	PKT 56	30/06	K/C LN chưa phân phối	911	421	118.880.104	118.880.104
			Cộng			15.606.910.330	15.606.910.330

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

Biểu số 2.27: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh - Hải Phòng.

SỔ CÁI TK 911

Năm 2013

(Đơn vị tính: đồng)

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		SH TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT		Trang số	STT Dòng		Nợ	Có
			Số dư đầu tháng Số phát sinh trong tháng					
.....					
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu BH			511		2.002.500.000
30/06	PKT52	30/06	Kết chuyển doanh thu TC			515		120.128.000
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển giá vốn hàng bán			632	1.643.500.000	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí tài chính			635	58.142.635	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí bán hàng			641	102.089.896	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí QLDN			642	138.030.000	
30/06	PKT53	30/06	Kết chuyển chi phí khác			811	22.385.545	
30/06	PKT55	30/06	Kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp			821	39.626.820	
30/06	PKT56	30/06	Xác định kết quả kinh doanh			421	118.880.104	
			Cộng phát sinh tháng				2.122.628.000	2.122.628.000
			Cộng lũy kế từ đầu quý					

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Người ghi sổ

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Nguồn: Phòng kế toán công ty cổ phần may Trường Sơn)[2]

PHẦN 3: MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM XÁC ĐỊNH CHÍNH XÁC KẾT QUẢ BÁN HÀNG TỪNG MẶT HÀNG TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN MAY TRƯỜNG SƠN

3.1. Áp dụng kế toán quản trị nhằm xác định kết quả bán hàng từng mặt hàng

Việc xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng là rất cần thiết và quan trọng, đặc biệt là đối với những DN sản xuất như công ty cổ phần may Trường Sơn. Chính vì vậy, qua thời gian nghiên cứu tại đây, em nhận thấy DN nên thực hiện cách xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng để thấy rõ lãi lỗ của từng sản phẩm, qua đó có được chiến lược kinh doanh phù hợp với từng sản phẩm của DN.

Cách xác định kết quả bán hàng cho từng mặt hàng

$$\begin{matrix} \text{Kết quả bán} & = & \text{Doanh thu bán} & - & \text{Giá vốn hàng} & - & \text{Chi phí BH,} \\ \text{hàng cho} & & \text{hàng cho từng} & & \text{bán cho từng} & & \text{QLDN phân} \\ \text{từng mặt} & & \text{mặt hàng(i)} & & \text{mặt hàng(i)} & & \text{bỏ cho từng} \\ \text{hàng(i)} & & & & & & \text{mặt hàng(i)} \end{matrix}$$

Trong đó:

$$\begin{matrix} \text{Chi phí BH, QLDN} & & \text{Doanh thu bán hàng} & * & \text{Tổng chi phí BH,} \\ \text{phân bổ cho từng} & & \text{mặt hàng i} & & \text{QLDN phát sinh} \\ \text{mặt hàng (i)} & = & \text{_____} & & \\ & & \text{Tổng doanh thu bán} & & \\ & & \text{hàng trong kỳ} & & \end{matrix}$$

Ta có thể xây dựng mẫu bảng sau để xác định kết quả cho từng mặt hàng:

STT	Tên sản phẩm	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Chi phí BH, QLDN phân bổ cho sản phẩm	Lãi (lỗ)
1					
2					
				
	Cộng				

Để có được số liệu xây dựng trong bảng trên, kế toán cần dựa vào các sổ sách sau:

- Sổ chi tiết bán hàng.
- Sổ chi tiết giá vốn hàng bán.
- Sổ cái TK 641, 642.

Những sổ sách trên đều đã được Công ty Cổ phần May Trường Sơn áp dụng, tuy nhiên kế toán tại đơn vị vẫn chưa sử dụng số liệu trên sổ sách này để phân tích.

Từ kết quả khảo sát tháng 06 năm 2013, em xin đưa ra bảng tính toán như sau:

TT	Tên sản phẩm	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Chi phí BH, QLDN phân bổ cho sản phẩm	Lãi (lỗ)
1	Áo somi	391.250.500	335.685.500	46.914.871	8.650.129
2	Áo vest	490.473.439	406.599.265	58.812.670	25.061.504
3	Quần âu	405.190.749	336.414.191	48.586.447	20.190.111
4	Áo chống nắng	208.575.250	170.350.125	25.010.271	13.214.854
5	Quần jean	507.010.062	394.450.919	60.795.607	51.763.536
				
	Cộng	2.002.500.000	1.643.500.000	240.119.896	118.880.104

Nhận xét :

Qua số liệu tính toán được ở bảng trên ta thấy lợi nhuận trong tháng của công ty là 118.880.104 VNĐ, trong đó lợi nhuận cụ thể của từng mặt hàng như sau: Áo sơ mi lãi 8.650.129 VNĐ (chiếm 7.3% tổng lợi nhuận), Áo vest lãi 25.061.504 VNĐ (chiếm 21.% tổng lợi nhuận), Quần âu lãi 20.190.111 VNĐ (chiếm 17% tổng lợi nhuận), áo chống nắng lãi 13.214.854 (chiếm 11.1% tổng lợi nhuận), quần jean lãi 51.763.536 VNĐ (chiếm 43.5% tổng lợi nhuận).

Nhìn chung tất cả các mặt hàng công ty sản xuất ra trong tháng đều có lãi.

Tuy nhiên, mặt hàng mang lại lợi nhuận cao nhất cho công ty chính là mặt hàng quần jean và áo vest, vì thế em thấy công ty nên có những chính sách và chiến lược phù hợp để đẩy mạnh việc sản xuất và tiêu thụ 2 mặt hàng trên.

3.2. Đề xuất đơn vi áp dụng các chính sách bán hàng phù hợp hơn

Trong cơ chế thị trường hiện nay, có rất nhiều doanh nghiệp kinh doanh cùng một ngành nghề, lĩnh vực. Vì vậy việc các doanh nghiệp cạnh tranh lành mạnh để thu hút khách hàng là điều tất yếu. Việc công ty không áp dụng chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) trong bán hàng phần nào sẽ làm giảm lượng khách hàng đến với công ty, từ đó làm giảm doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Vì vậy để có thể thu hút được khách hàng mới mở rộng thị trường tiêu thụ và vẫn giữ được những khách hàng cũ nhằm tăng doanh thu lợi nhuận công ty nên xây dựng các chính sách ưu đãi (chiết khấu thương mại) phù hợp với tình hình tại công ty.

Chiết khấu thương mại: là khoản tiền chênh lệch giá bán nhỏ hơn giá niêm yết doanh nghiệp đã giảm trừ cho người mua hàng do người mua hàng đã mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với khối lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Chiết khấu thương mại do công ty xây dựng phải dựa trên :

- Công ty có thể tham khảo chiết khấu thương mại của DN cùng ngành
- Chính sách chiết khấu thương mại được xây dựng dựa theo chiến lược kinh doanh từng thời kỳ của doanh nghiệp.

Ví dụ: Ngày 11/6/2013, xuất bán cho công ty cổ phần thương mại Hoa Vinh 500 sản phẩm, bao gồm 200 áo sơ mi, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 230.000đ/sản phẩm, 200 quần âu, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 250.000đ/sản phẩm, 100 áo vest, đơn giá chưa thuế GTGT 10% là 400.000đ/sản phẩm.

Công ty nên cho khách hàng hưởng chiết khấu thương mại là 2% trên tổng giá trị tiền hàng, CHTM trừ ngoài hóa đơn. Kế toán đơn vị lập phiếu kế toán phản ánh chiết khấu thương mại cho khách hàng hưởng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 11 tháng 6 năm 2013

Số: PKT 42

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
11/6/2013	Chiết khấu thương mại	521	131	22.050.000
		3331	131	2.205.000
	Cộng			24.250.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 30 tháng 6 năm 2013

Số: PKT 50

Ngày tháng ghi sổ	Diễn giải	Số hiệu tài khoản		Số tiền
		Nợ	Có	
30/6/2013	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu	511	521	22.050.000
	Cộng			22.050.000

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14 : Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số: S03a- DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

(Đơn vị tính: Đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi SC	STT dòng	SH TK	Số phát sinh	
	SH	NT					Nợ	Có
			Số trang trước chuyển sang					
							
11/06	0002842	11/06	Doanh thu bán sản phẩm	X		131	149.6000.000	
						511		136.000.000
						3331		13.600.000
11/06	PKT42	11/06	Chiết khấu thương mại cho công ty Cp thương mại Hoa Vinh			521 3331 131	2.720.000 272.000	2.992.000
							
			Cộng chuyển trang sau				15.606.910.330	15.606.910.330

Ngày 30 tháng 06 năm 2013

Biểu số 2...: Sổ cái TK 521 (TRÍCH)

Đơn vị: Công ty cổ phần may Trường Sơn

Mẫu số: S03b- DN

Địa chỉ: Tổ 8 – Hòa Nghĩa – Dương Kinh – HP

(Ban hành theo QĐ số 15/2006-QĐ- BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI TK 521

Năm 2013

(Đơn vị tính: đồng)

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	NKC		TK ĐƯ	Số phát sinh	
	SH	NT		T.số	STT Đồng		Nợ	Có
.....					
11/06	PKT 42	11/06	Chiết khấu thương mại cho công ty CPTM Hoa Vinh			131	2.720.000	
							
30/06	PKT 50	30/06	Kết chuyển các khoản giảm trừ doanh thu			511		22.050.000
			Cộng phát sinh tháng				22.050.000	22.050.000
			Số dư cuối tháng					

-Số này có.....trang, đánh số trang từ số 01 đến trang.....

-Ngày mở sổ:.....

KẾT LUẬN

Đề tài đã hệ thống hóa được lý luận chung về tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng.

Đề tài đã mô tả và phân tích thực trạng tổ chức kế toán bán hàng và xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng năm 2013 tại công ty Cổ phần may Trường Sơn theo chế độ kế toán bán hàng theo Quyết định 15/2006QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ Tài Chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung từ đó thấy được một số ưu điểm trong công tác kế toán tại đơn vị như sau:

- **Về kế toán bán hàng:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được ghi chép một cách chi tiết, đầy đủ và kịp thời đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận doanh thu và chi phí phát sinh.

- **Về kế toán chi phí:** Các chi phí phát sinh như giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp được cập nhật nhanh chóng, chi tiết vào sổ sách. Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho và tính giá trị hàng xuất kho phù hợp với loại hình kinh doanh của công ty.

- **Về kế toán xác định kết quả bán hàng:** Cuối niên độ kế toán, kế toán tiến hành tập hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả bán hàng, vì thế hoạt động bán hàng luôn được cung cấp một cách chính xác, kịp thời.

Tuy nhiên, công ty vẫn còn một số hạn chế như sau:

✓ **Về chính sách bán hàng:** Công ty chưa có hình thức khuyến khích khách hàng mua nhiều với số lượng lớn, khách hàng thanh toán nhanh như chiết khấu thanh toán, chiết khấu thương mại.

✓ **Về áp dụng tổ chức bộ máy kế toán quản trị:** Công ty chưa áp dụng kế toán quản trị để phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp. Vì vậy những thông tin mà kế toán cung cấp cho nhà quản lý đôi khi chưa đầy đủ và còn nhiều bất cập trong việc điều hành quản lý nội bộ đơn vị.

Đề tài đã đưa ra một số biện pháp để hoàn thiện công tác kế toán bán hàng và xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng tại công ty Cổ

phần may Trường Sơn như sau:

✓ *Về chính sách bán hàng:* Công ty nên sử dụng chính chiết khấu thương mại với tỷ lệ hợp lý khuyến khích khách hàng mua hàng với số lượng lớn, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng doanh thu, lợi nhuận.

✓ *Về áp dụng kế toán quản trị trong công tác quản lý DN:* Công ty nên áp dụng kế toán quản trị vào công tác quản lý doanh nghiệp, điều đó giúp cho công ty có thể nắm bắt được những thông tin quan trọng một cách chính xác và kịp thời, từ đó đưa ra được những quyết định đúng đắn đảm bảo sự tồn tại và phát triển của công ty trong nền kinh tế thị trường.

Trên đây là toàn bộ nội dung đề tài nghiên cứu khoa học “Tổ chức công tác kế toán bán hàng và xác định kết quả bán hàng nhằm xác định chính xác kết quả bán hàng cho từng mặt hàng tại công ty Cổ phần may Trường Sơn”.

Chủ nhiệm đề tài

Ngô Mai Anh

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC của bộ trưởng bộ tài chính, 2011.
2. Tài liệu, các chứng từ, sổ sách kế toán năm 2013 của công ty cổ phần may Trường Sơn
3. Võ Văn Nhị -261 sơ đồ kế toán doanh nghiệp, Nhà xuất bản tài chính, 2010.
4. Nguyễn Phú Giang - Lý thuyết và thực hành kế toán tài chính –NXB tài chính 2010.
5. Ngô Thế Chi, *Giáo trình kế toán tài chính* , NXB Tài chính, 2010.